

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK**
Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27 – 8 – 2025
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1./ Ông Nguyễn Công Chính

2./ Ông Nguyễn Hoàng Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tinh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại phòng xử án - Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2025/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị Thanh L, sinh năm 1988 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi đăng ký thường trú: Thôn D, phường T, tỉnh Đắk Lắk (Trước sáp nhập: Thôn D, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk).

Chỗ ở hiện nay: Số nhà A, đường N, thôn B, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Số nhà A, đường N, thôn B, phường T, tỉnh Đắk Lắk).

Bị đơn: Ông Đặng Minh D, sinh năm 1988 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi đăng ký thường trú: Thôn D, phường T, tỉnh Đắk Lắk (Trước sáp nhập: Thôn D, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk).

Chỗ ở hiện nay: Số nhà A, đường N, thôn B, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Số nhà A, đường N, thôn B, phường T, tỉnh Đắk Lắk).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn, bà Mai Thị Thanh L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Thanh L và ông Đặng Minh D tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 01/02/2018.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, nay mâu thuẫn đã trầm trọng, không quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, không còn khả năng đoàn tụ nên bà Mai Thị Thanh L có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Đặng Minh D.

Về con chung: Bà Mai Thị Thanh L và ông D có 01 con chung là: .

Bà Mai Thị Thanh L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Tôi làm nghề sale, thu nhập 9.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Đặng Minh D trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Minh D và bà Mai Thị Thanh L tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 01/02/2018.

Quá trình chung sống thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đặc thù công việc của ông D là bán hàng tại Siêu thị, ít có thời gian dành cho gia đình. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ý kiến của ông D là mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là Đặng Minh D1, sinh ngày 02/5/2020.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông bà ly hôn thì ông D chấp nhận giao con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận rộn, không thể tham gia tố tụng tại Tòa án nên ông D đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa xét xử.

Do các đương sự không thống nhất được về quan hệ hôn nhân nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk trình bày:**

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ trông chấp, đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân

và gia đình; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2015/QH15.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Mai Thị Thanh L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Thanh L được ly hôn với ông Đặng Minh D.

- Về con chung: Giao cháu Đặng Minh D1, sinh ngày 01/5/2020 cho bà Mai Thị Thanh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành.

Ông Đặng Minh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Mai Thị Thanh L yêu cầu ly hôn với ông Đặng Minh D, địa chỉ cư trú tại phường T, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2015/QH15, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk.

Nguyên đơn bà Mai Thị Thanh L, bị đơn ông Đặng Minh D có Đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Thanh L và ông Đặng Minh D chung sống trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 01/02/2018 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà Mai Thị Thanh L và ông Đặng Minh D chung sau khi về chung sống với nhau thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà L trình bày: Vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Theo ông D trình bày: Do bất đồng quan điểm, đặc thù công việc của ông D là bán hàng tại siêu thị ít có thời gian giành cho gia đình.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương. Đại diện chính quyền địa phương cho biết:

“Quá trình chung sống thì bà L và ông D phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân cụ thể thì địa phương không nắm do chưa qua hòa giải tại địa phương.”

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, việc bà Mai Thị Thanh L xét thấy không còn tình cảm với ông Đặng Minh D, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến mâu thuẫn cuộc sống kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Mai Thị Thanh L, cho bà Mai Thị Thanh L được ly hôn với ông Đặng Minh D.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Mai Thị Thanh L và ông Đặng Minh D có 01 con chung là cháu Đặng Minh D1, sinh ngày 01/5/2020. Quá trình giải quyết vụ án bà L có nguyện vọng xin được nuôi con và ông H cũng đồng ý giao con cho vợ nuôi. Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu Đặng Minh D1, sinh ngày 01/5/2020 cho bà Mai Thị Thanh L nuôi dưỡng là phù hợp. Nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Đặng Minh D1, sinh ngày 01/5/2020 cho bà Mai Thị Thanh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Mai Thị Thanh L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2015/QH15.

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Thanh L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Thanh L được ly hôn với ông Đặng Minh D.

2. Về con chung:

Giao cháu Đặng Minh D1, sinh ngày 01/5/2020 cho bà Mai Thị Thanh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Đặng Minh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Bà Mai Thị Thanh L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001297 ngày 17/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1 - Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Loan